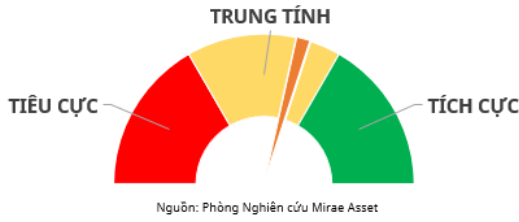


18 Tháng Bảy 2022

Thang đo sức mạnh thị trường ngắn hạn



Bản tin cuối ngày Việt Nam

Để đăng ký nhận bản tin, vui lòng liên hệ chúng tôi qua: cs@miraeeasset.com.vn

Nhận định thị trường

Lực cầu suy yếu, VN-Index đảo chiều cuối phiên

Được hỗ trợ từ thông tin chứng khoán Mỹ phục hồi vào cuối tuần và chứng khoán Châu Á tăng mạnh vào buổi sáng, VN-Index mở cửa tăng điểm đầu phiên và sau đó giao dịch trong vùng giá xanh phần lớn thời gian trong ngày. Tuy nhiên, tâm lý thận trọng một lần nữa quay trở lại khiến lực bán xuất hiện mạnh chỉ trong 20 phút cuối kéo chỉ số trượt khỏi mốc tham chiếu đồng thời đảo chiều giảm điểm lúc đóng cửa. Kết thúc phiên giao dịch, VN-Index giảm nhẹ khi mất 2,7 điểm, tương ứng với 0,2% và đóng cửa tại 1.176 điểm. Thanh khoản của 3 sàn lần lượt là HOSE: 11.233 tỷ đồng, HNX: 1.218 tỷ đồng, UPCOM: 677 tỷ đồng.

Phiên giao dịch giảm điểm nhẹ với số mã tăng (229) và giảm (209) khá cân bằng. Đáng chú ý, dù là phiên giao dịch giảm điểm nhẹ nhưng sự phân hóa khá lớn. Hai nhóm vốn hóa lớn nhất là Ngân hàng và Bất động sản bị bán mạnh khi đa số các cổ phiếu giảm điểm, với mức giảm bình quân từ 1%-2%. Ở chiều ngược lại, nhóm Thủy sản và đặc biệt là Xây dựng có mức tăng mạnh nhất với FCN, HHV tăng trần, TCD, LCG và VCG tăng từ 3,5%-5%. Nhóm Thép sau phiên khởi sắc cuối tuần đã phải điều chỉnh khá mạnh hôm nay với mức giảm bình quân 2,5%-3%.

Khối ngoại hôm nay bán ròng nhẹ với giá trị gần 125 tỷ đồng, trong đó VHM và HPG bị bán mạnh nhất với mỗi mã 44 tỷ đồng.

Phiên giao dịch giảm điểm nhẹ và điểm số kỹ thuật của VN-Index được giữ nguyên. Hiện điểm số kỹ thuật theo thang điểm của Mirae Asset đang ở mức +2, thể hiện trạng thái TRUNG TÍNH trong ngắn hạn. Kết thúc phiên giao dịch hôm nay, hệ số P/E của VN-Index là 12,8x.

Trần Duy Lam, Analyst, 84-8-39102222, lam.td@miraeeasset.com.vn

Cập nhật kỹ thuật các chỉ số

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	0	TRUNG TÍNH
Shanghai Composite	-4	TIÊU CỰC
Kospi	3	TRUNG TÍNH
Nikkei 225	6	KHẢ QUAN
FTSE 100 (EU)	3	TRUNG TÍNH
Dow Jones	2	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

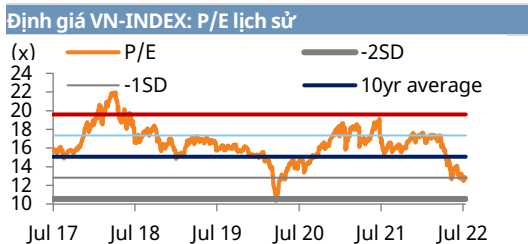
Tổng quan thị trường				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
VN-INDEX	1,176.49	-0.23	-3.35	-9.45
HNX	284.63	0.08	1.63	-7.51
UPCOM	87.46	0.17	0.42	2.50
MSCI EM	961.85	-0.37	-4.26	-28.22
NIKKEI	26,788.47	0.54	3.18	-4.34
HANG SENG	20,846.18	2.70	-1.09	-25.56
KOSPI	2,375.25	1.90	-2.69	-27.52
FTSE	7,245.74	1.21	3.27	3.39
S&P 500	3,863.16	1.92	5.12	-10.72
NASDAQ	11,452.42	1.79	6.06	-20.62

Định giá thị trường			
	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VN-INDEX	12.8	2.0	15.8
SET INDEX	16.6	1.1	9.2
JCI INDEX	15.0	2.0	12.9
PCOMP INDEX	18.0	1.5	9.0

Lãi suất tham chiếu				
	Thị giá	1D (bps)	1M (bps)	1Y (bps)
Cơ bản	4.00	0	0	0
5 năm	2.49	6	11	145
10 năm	3.29	2	-1	114

Tỷ giá ngoại hối				
	Thị giá	1D (%)	1M (%)	1Y (%)
US\$/VND	23,439	-0.17	-0.94	-1.80
US\$/KRW	1,317	0.68	-1.91	-12.87
US\$/JPY	138	0.35	-2.18	-20.73
US\$/EUR	0.99	-0.55	3.62	16.32
US\$/GBP	0.84	-0.66	2.52	14.47
US\$/SGD	1.40	0.24	-0.57	-2.38

Giá trị giao dịch bình quân/ngày (triệu US\$)			
	Gần nhất	TB 1 tháng	TB 1 năm
VN-INDEX	484	449	913
HNX	54	48	119
UPCOM	28	32	71



Bản tin thị trường **Phân tích kỹ thuật**

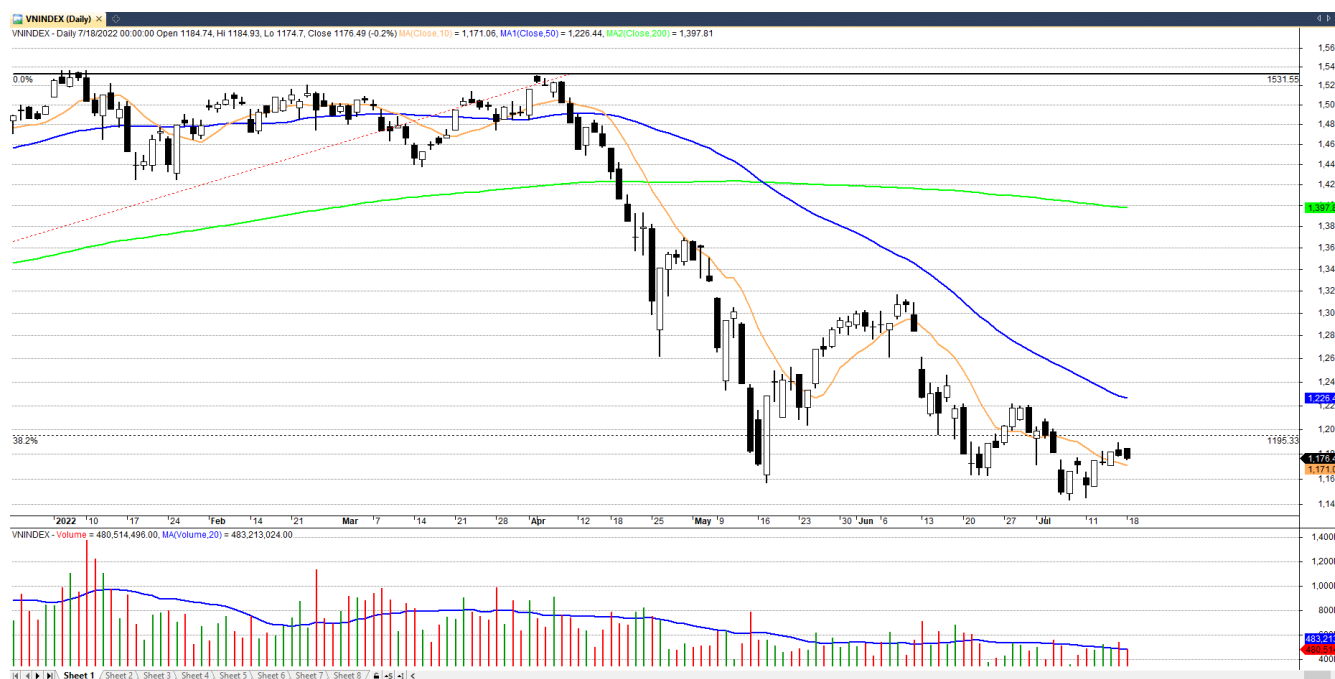
Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VNINDEX	2	TRUNG TÍNH
VN30	-2	TRUNG TÍNH
VN30F1M	0	TRUNG TÍNH
VN DIAMOND	2	TRUNG TÍNH
VN FIN SELECT	0	TRUNG TÍNH

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Chỉ tiêu VN-Index	Chỉ tiêu	Điểm số
Đóng cửa (18/07/2022)	1.176	Kháng cự 1 1.200
Xu hướng ngắn hạn (1 - 4 tuần)	Đi ngang	Kháng cự 2 1.280
Xu hướng trung hạn (3 - 6 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 1 1.100
Xu hướng dài hạn (6 - 12 tháng)	Đi ngang	Hỗ trợ 2 1.050

Lực cầu suy yếu vào cuối phiên, VN-Index giao dịch đi ngang, nằm giữa 2 mốc kháng cự (1.195-200) và hỗ trợ (1.150-1.160) gần nhất.

Đồ thị kỹ thuật VN-INDEX (chart ngày)



Nguồn: Fdata

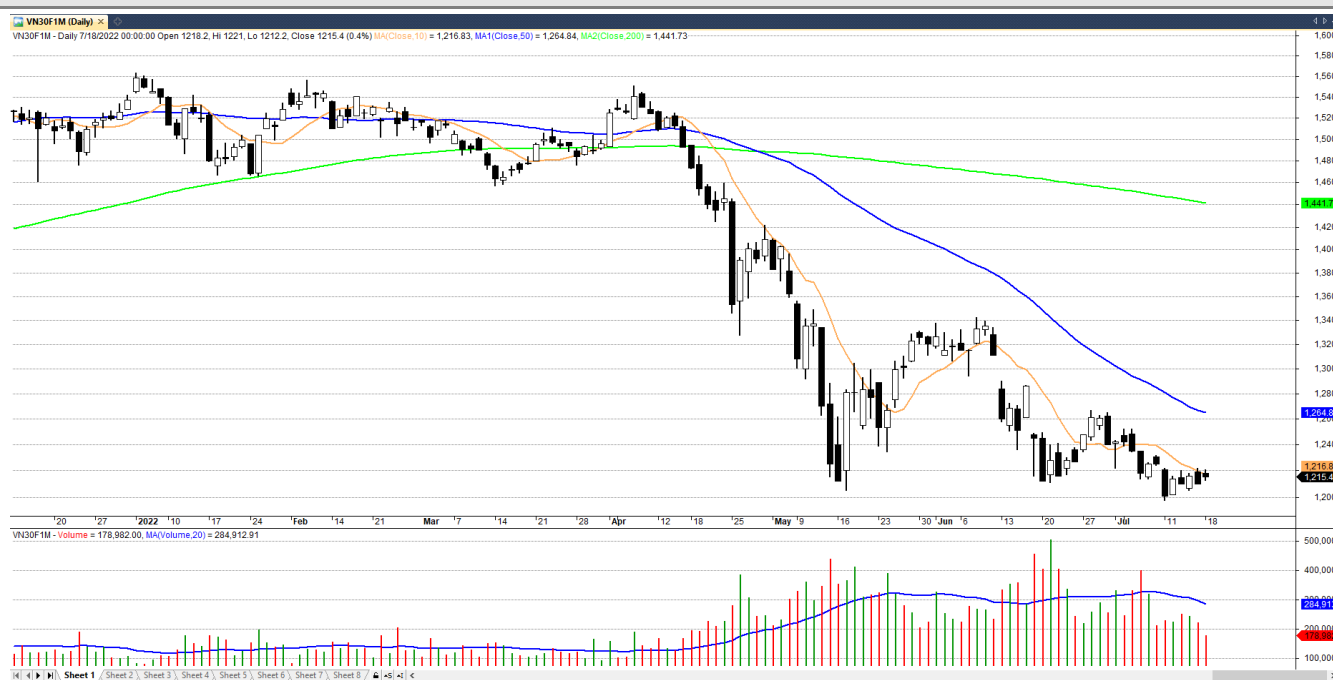
CẬP NHẬT PHÁI SINH

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu	Điểm số
VN30F1M - đóng cửa (18/07/2022)	1.215	Kháng cự 1	1.220
Xu hướng ngắn hạn (chart ngày)	TRUNG TÍNH	Kháng cự 2	1.250
VN30 - đóng cửa	1.214	Hỗ trợ 1	1.200
Chênh lệch VN30F1M & VN30	+1,1	Hỗ trợ 2	1.180

Chỉ số	Điểm số kỹ thuật ngắn hạn Mirae Asset (*)	Trạng thái
VN30F1M (chart 15 phút)	-1	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart 60 phút)	0	TRUNG TÍNH
VN30F1M (chart ngày)	0	TRUNG TÍNH

VN30F1M đi ngang tại vùng đáy trong năm.

Đồ thị kỹ thuật VN30F1M (chart ngày)



Nguồn: Fdata

TOP CỔ PHIẾU ĐẠT TIÊU CHÍ SỨC MẠNH GIÁ – MIRAE ASSET

Mã	Ngành	Giá đóng cửa	KLTB 20 ngày	Điểm sức mạnh giá (*)	Điểm kỹ thuật ngắn hạn	Sức mạnh ngành (**)
SZC	Bất động sản	49,700	577,280	85	5	
VCI	Chứng khoán	38,450	3,848,035	93	4	Top sức mạnh ngành
HCM	Chứng khoán	24,600	6,014,180	91	4	Top sức mạnh ngành

(*) Điểm sức mạnh giá được Mirae Asset Research tính toán dựa trên các tiêu chí: 1) tăng trưởng giá cổ phiếu trong 1 & 4 & 12 tuần; 2) khối lượng giao dịch được cải thiện tích cực; 3) điểm kỹ thuật ngắn hạn từ 4 điểm trở lên.

(**) Mirae Asset tính toán 1-5 nhóm ngành lọt top sức mạnh ngành dựa trên các tiêu chí: 1) Điểm kỹ thuật ngắn hạn trung bình ngành phải từ 0 điểm (TRUNG TÍNH) đến 7 điểm (TÍCH CỰC); 2) điểm sức mạnh giá trung bình ngành nằm trong top 5 ngành tốt nhất.

Nhóm cổ phiếu nằm trong top sức mạnh giá kỳ vọng sẽ có diễn biến giá tích cực hơn VN-Index trong ít nhất 1 đến 2 tuần tới.

ĐIỂM SỐ KỸ THUẬT NGẮN HẠN - TOP 100 MÃ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH CAO NHẤT 1 THÁNG

Mã (đơn vị)	Đóng cửa (kvnd)	KLTB 20N	Điểm kỹ thuật (*)	Xu hướng ngắn hạn	Vốn hóa (tỷ đồng)	P/E (lần)	P/BV (lần)	GTGD (tỷ đồng)
VPI	63.4	1,077,630	7	KHẢ QUAN	13,948	34.4	4.6	68
HAG	11.7	17,408,280	5	KHẢ QUAN	10,851	21.2	2.4	204
DPM	50.8	3,259,395	5	KHẢ QUAN	19,880	3.9	1.6	166
LPB	14.1	7,664,460	5	KHẢ QUAN	21,201	6.4	1.1	108
PDR	53.1	1,458,990	5	KHẢ QUAN	35,664	19.1	4.9	77
BCG	15.2	4,168,150	5	KHẢ QUAN	7,650	6.9	1.2	63
VCG	20.95	3,011,185	5	KHẢ QUAN	10,179	12.1	1.5	63
ASM	14.9	3,132,605	5	KHẢ QUAN	5,014	7.2	1.0	47
LCG	11.7	3,477,955	5	KHẢ QUAN	2,017	10.2	0.8	41
FCN	15	2,250,935	5	KHẢ QUAN	2,362	42.0	0.9	34
KSB	26.5	1,219,340	5	KHẢ QUAN	2,022	9.4	1.1	32
SZC	49.7	577,280	5	KHẢ QUAN	4,970	18.0	3.5	29
VND	19	25,343,744	4	KHẢ QUAN	23,139	5.1	1.4	482
HPG	22.6	18,688,980	4	KHẢ QUAN	131,414	3.9	1.3	422
VPB	28.15	7,923,495	4	KHẢ QUAN	125,140	7.3	1.4	223
MBB	25.4	7,760,245	4	KHẢ QUAN	95,969	7.0	1.5	197
CEO	29.5	5,038,755	4	KHẢ QUAN	7,592	51.7	2.5	149
VCI	38.45	3,848,035	4	KHẢ QUAN	12,881	7.9	1.8	148
HCM	24.6	6,014,180	4	KHẢ QUAN	11,247	9.4	1.5	148
DCM	29.6	4,765,385	4	KHẢ QUAN	15,670	5.2	1.8	141
SHS	15.4	8,265,610	4	KHẢ QUAN	6,115	5.0	1.2	127
CTG	26.9	4,142,010	4	KHẢ QUAN	129,275	10.5	1.3	111
PVD	17.05	5,364,120	4	KHẢ QUAN	8,616	150.1	0.6	91
ITA	7.46	9,751,590	4	KHẢ QUAN	7,000	31.7	0.6	73
TCH	11.75	4,181,765	4	KHẢ QUAN	7,852	15.3	0.9	49
TPB	27.25	1,499,015	4	KHẢ QUAN	43,103	8.2	1.6	41
SBT	18.35	2,002,980	4	KHẢ QUAN	11,545	16.0	1.4	37
DPG	41.4	799,225	4	KHẢ QUAN	2,608	7.3	1.8	33
GVR	23.2	1,352,165	4	KHẢ QUAN	92,800	21.1	1.9	31
KDH	36.2	749,925	4	KHẢ QUAN	25,602	21.2	2.4	27
L14	106.5	230,350	4	KHẢ QUAN	2,858	10.7	4.7	25

IDC	58.6	1,826,435	3	TRUNG TÍNH	19,338	29.5	4.7	107
CII	19.6	3,928,715	3	TRUNG TÍNH	4,943	15.5	0.9	77
VIX	11.3	6,143,600	3	TRUNG TÍNH	6,206	5.5	1.0	69
HNG	6.8	8,019,180	3	TRUNG TÍNH	7,538	#N/A N/A	1.4	55
SCR	10.65	3,600,130	3	TRUNG TÍNH	3,902	18.7	0.8	38
PAN	22.4	1,342,765	3	TRUNG TÍNH	4,679	13.3	1.1	30
DIG	39.65	9,366,335	2	TRUNG TÍNH	19,821	18.8	2.7	371
SSI	20.9	16,787,350	2	TRUNG TÍNH	31,144	7.4	1.5	351
GEX	21.05	7,888,585	2	TRUNG TÍNH	17,924	15.6	1.4	166
DXG	21.4	7,416,115	2	TRUNG TÍNH	13,001	14.2	1.4	159
NKG	19.3	7,994,290	2	TRUNG TÍNH	5,081	2.0	0.8	154
HSG	17.75	7,305,545	2	TRUNG TÍNH	8,846	2.5	0.8	130
FPT	83	1,470,190	2	TRUNG TÍNH	91,053	19.3	4.7	122
VHC	83.9	1,445,065	2	TRUNG TÍNH	15,385	10.1	2.4	121
KBC	35.6	3,343,110	2	TRUNG TÍNH	27,327	41.1	1.9	119
SHB	14.4	7,717,625	2	TRUNG TÍNH	38,403	6.0	1.0	111
DBC	27.7	3,874,815	2	TRUNG TÍNH	6,703	14.2	1.4	107
HBC	19.6	4,536,590	2	TRUNG TÍNH	4,815	43.8	1.3	89
ANV	46.7	1,590,690	2	TRUNG TÍNH	5,937	21.9	2.3	74
NLG	37.75	1,730,755	2	TRUNG TÍNH	14,456	19.9	1.6	65
HDC	40.85	1,439,915	2	TRUNG TÍNH	4,415	13.3	2.9	59
IDI	19.3	2,863,415	2	TRUNG TÍNH	4,394	13.9	1.4	55
VIB	24.6	2,194,780	2	TRUNG TÍNH	51,849	7.7	2.0	54
VGC	50.6	1,015,140	2	TRUNG TÍNH	22,687	13.8	2.9	51
NT2	23.8	2,063,940	2	TRUNG TÍNH	6,851	12.3	1.6	49
HQC	4.49	7,253,320	2	TRUNG TÍNH	2,140	263.6	0.5	33
LDG	9.55	3,347,400	2	TRUNG TÍNH	2,287	16.8	0.7	32
MIG	23.25	1,205,385	2	TRUNG TÍNH	3,823	15.0	2.1	28
CSV	43.25	558,310	2	TRUNG TÍNH	1,912	7.2	1.6	24
STB	22.55	16,413,635	0	TRUNG TÍNH	42,512	10.8	1.2	370
BSR	23.6	13,231,070	0	TRUNG TÍNH	73,172	11.2	1.9	312
TCB	36.3	4,586,470	0	TRUNG TÍNH	127,446	6.6	1.3	166
VNM	71.7	2,221,470	0	TRUNG TÍNH	149,850	16.3	4.7	159
NVL	73.6	1,999,505	0	TRUNG TÍNH	143,508	33.9	3.9	147
REE	79.2	1,153,630	0	TRUNG TÍNH	28,148	13.2	2.1	91
HAH	62.7	1,384,595	0	TRUNG TÍNH	4,282	7.8	2.6	87
HUT	27.2	3,102,400	0	TRUNG TÍNH	9,483	51.8	2.4	84
BVH	57.3	1,259,020	0	TRUNG TÍNH	42,535	22.7	2.0	72
KDC	61.3	1,061,315	0	TRUNG TÍNH	15,425	25.1	2.3	65
ACB	23.9	2,130,645	0	TRUNG TÍNH	80,721	7.8	1.7	51
AAA	12	3,282,225	0	TRUNG TÍNH	3,917	12.5	0.8	39
VOS	17.8	2,124,645	0	TRUNG TÍNH	2,492	4.4	2.3	38
ORS	14.8	1,906,740	0	TRUNG TÍNH	2,960	#N/A N/A	1.2	28
FTS	38.05	698,970	0	TRUNG TÍNH	5,615	6.1	1.8	27
POW	13.1	14,478,900	-2	TRUNG TÍNH	30,679	15.3	1.1	190
PVS	23.2	7,906,585	-2	TRUNG TÍNH	11,089	16.5	0.9	183
VIC	68	1,667,425	-2	TRUNG TÍNH	259,348	#N/A N/A	2.5	113
GAS	97.5	985,860	-2	TRUNG TÍNH	186,610	19.1	3.4	96

GMD	48.7	1,749,800	-2	TRUNG TÍNH	14,677	21.6	2.2	85
TNG	26.6	2,925,245	-2	TRUNG TÍNH	2,663	9.8	1.8	78
PC1	35.6	1,936,325	-2	TRUNG TÍNH	8,372	11.0	1.7	69
MSN	102.6	640,550	-2	TRUNG TÍNH	146,074	14.6	5.3	66
VCB	72	883,055	-2	TRUNG TÍNH	340,741	14.8	2.9	64
GEG	21.4	2,396,060	-2	TRUNG TÍNH	6,889	19.6	2.0	51
PVT	19.6	2,332,770	-2	TRUNG TÍNH	6,344	9.4	1.2	46
FLC	5.75	7,344,955	-2	TRUNG TÍNH	4,082	#N/A N/A	0.5	42
CTD	60	565,615	-2	TRUNG TÍNH	4,432	#N/A N/A	0.5	34
DGW	55	616,520	-2	TRUNG TÍNH	8,969	11.5	4.4	34
PHR	63.6	432,165	-2	TRUNG TÍNH	8,618	12.5	2.6	27
VHM	59	2,891,110	-3	TRUNG TÍNH	256,908	6.7	2.0	171
DGC	93	1,878,630	-4	TIÊU CỰC	34,525	10.7	4.7	175
PNJ	113.5	776,785	-4	TIÊU CỰC	27,509	20.9	3.4	88
HDG	44.45	1,681,815	-4	TIÊU CỰC	10,873	10.3	2.4	75
BID	35.5	2,028,020	-4	TIÊU CỰC	179,578	15.7	2.1	72
HDB	23.5	1,587,600	-4	TIÊU CỰC	47,287	7.3	1.5	37
VRE	26.05	1,483,135	-6	TIÊU CỰC	59,194	65.0	1.9	39
MWG	61	3,025,075	-7	TIÊU CỰC	89,286	17.4	4.0	185
FRT	72.5	1,333,175	-7	TIÊU CỰC	8,589	14.9	4.7	97
VJC	124.2	592,975	-7	TIÊU CỰC	67,268	343.6	3.9	74

(*) Đánh giá các chỉ số hoặc mã bằng điểm kỹ thuật từ -7 đến +7 điểm theo hệ thống đánh giá kỹ thuật từ Mirae Asset, tương ứng các mức: TIÊU CỰC (-7 đến -4 điểm), TRUNG TÍNH (-3 đến +3 điểm), & TÍCH CỰC (+4 đến +7 điểm).

Thông tin cập nhật

Lạm phát tại New Zealand cao nhất trong hơn ba thập kỷ

Số liệu do Cơ quan Thống kê New Zealand (Stats NZ) công bố ngày 18/7 cho thấy lạm phát nước này trong quý II đã tăng lên 7,3%, cao hơn 0,4% so với quý trước đó và là mức cao nhất trong vòng 32 năm. Đây là con số lạm phát cao kỷ lục tính từ năm 1990, do chi phí sinh hoạt liên tục tăng “phi mã”. Trong đó, đóng góp nhiều nhất vào sự gia tăng này là chi phí nhà ở, đã tăng 18,3% trong vòng 12 tháng qua. Người phát ngôn Stats NZ, Jason Attewell, cho rằng các vấn đề về chuỗi cung ứng, chi phí lao động và nhu cầu cao đã tiếp tục đẩy chi phí xây dựng lên cao hơn. Bên cạnh đó, các yếu tố như lạm phát toàn cầu, giá nhiên liệu, lương thực tăng cũng góp phần làm tăng chi phí sinh hoạt ở New Zealand. Phó Thủ tướng kiêm Bộ trưởng Tài chính New Zealand, Grant Robertson, cho biết ông hy vọng con số 7,3% sẽ là mức đỉnh của lạm phát và sau đó sẽ dần đi xuống trong nửa cuối năm nay, theo như tính toán của các chuyên gia kinh tế. Để đối phó với tình trạng lạm phát tăng cao, chính phủ New Zealand đã khẩn trương ban hành các chính sách nhằm hỗ trợ chi tiêu sinh hoạt cho người dân. Ngày 17/7, Wellington thông báo gia hạn chương trình giảm thuế tiêu thụ đặc biệt đối với nhiên liệu, đồng thời tiếp tục giảm 50% phí sử dụng đường bộ, giá vé giao thông công cộng, cho đến tháng 1/2023. Ông Robertson cho biết quyết định giảm thuế tiêu thụ đặc biệt và hỗ trợ chi phí giao thông công cộng được Wellington áp dụng từ tháng 3 năm nay và ước tính đã tạo ra các tác động cộng gộp, giúp New Zealand giảm lạm phát “lõi” (core inflation) khoảng 0,5% trong quý II. Việc gia hạn thêm chính sách này sẽ tiếp tục giúp hạ nhiệt tỷ lệ lạm phát trong các quý tới. Cùng với các chính sách tài khóa của chính phủ, Ngân hàng Dự trữ New Zealand (RBNZ) cũng đang thắt chặt các chính sách tiền tệ, nhằm hạ thấp lạm phát. Ngày 13/7 vừa qua, RBNZ đã tăng lãi suất lần thứ sáu liên tiếp, đưa lãi suất cơ bản lên mức trung lập 2,5%.

Trung Quốc khuyến khích ngân hàng cấp vốn cho các doanh nghiệp bất động sản

Gới chức quản lý lĩnh vực ngân hàng Trung Quốc kêu gọi các định chế tài chính gia tăng nguồn cung tín dụng đối với các doanh nghiệp phát triển bất động sản đạt yêu cầu nhằm hỗ trợ họ hoàn thành các dự án còn dang dở sau khi người mua nhà của ít nhất 100 dự án, nằm tại 50 thành phố, từ chối chi trả các khoản vay thế chấp. Hướng dẫn mới của Ủy ban Quản lý bảo hiểm và tài chính Trung Quốc được đưa ra nhằm mục tiêu hạ nhiệt làn sóng “tẩy chay” thanh toán các khoản vay thế chấp, đồng thời đẩy nhanh tiến độ bàn giao các sản phẩm bất động sản tới tay người mua. Cuối tuần trước, cơ quan chức năng đã có cuộc làm việc với các ngân hàng thương mại nhằm thảo luận tình trạng trên, “cơn gió chướng” mới đe dọa tới một trong những trụ cột chính của nền kinh tế, vốn vẫn đang chìm sâu trong khủng hoảng sau khi một loạt các doanh nghiệp lớn trong ngành vỡ nợ tính từ nửa cuối năm 2021. Bên cạnh đó, Ủy ban cũng kêu gọi các ngân hàng tạo điều kiện cho các thương vụ mua bán, sáp nhập giữa các doanh nghiệp bất động sản, hướng tới mục tiêu ổn định thị trường. Các ngân hàng cũng được khuyến khích tăng cường đối thoại với người mua nhà và bảo vệ quyền lợi chính đáng của họ, theo báo cáo sau cuộc họp.

TDM: chuẩn bị đấu giá 10 triệu cổ phiếu

Nghị quyết HĐQT Nước Thủ Dầu Một (HoSE:TDM) thông qua việc chào bán 10 triệu cổ phiếu ra công chúng bằng hình thức đấu giá tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM (HoSE) theo tỷ lệ 10%. Thời gian dự kiến sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận. Giá khởi điểm đấu giá sẽ không thấp hơn trung bình giá đóng cửa cuối ngày của cổ phiếu TDM tại 30 phiên giao dịch liền trước và không thấp hơn giá số

sách của cổ phiếu này trong BCTC kiểm toán 2021. Tổng giá trị theo mệnh giá là 100 tỷ đồng, qua đó nâng vốn điều lệ công ty lên 1.100 tỷ đồng. Số tiền thu được sẽ được công ty dùng để bù đắp vốn lưu động để thực hiện hoạt động đầu tư vào các công ty nước với tổng số tiền 297,7 tỷ đồng. Trong đó, doanh nghiệp sẽ dùng 143 tỷ đồng mua cổ phần CTCP Cấp thoát nước Cần Thơ; 70 tỷ đồng mua cổ phần CTCP Cấp nước Cần Thơ 2; 48,5 tỷ đồng mua cổ phần CTCP cấp nước Gia Tân và 36,2 tỷ đồng mua cổ phần CTCP Cấp nước Đồng Nai.

DGW: lên kế hoạch lãi 200 tỷ đồng quý III, tăng 87%

Digiworld (HoSE: DGW) công bố doanh thu kế hoạch quý III đạt 6.500 tỷ đồng, tăng 70%; lãi sau thuế 200 tỷ đồng, tăng 87% so với cùng kỳ năm trước. Doanh nghiệp cho biết trong quý III là mùa tựu trường, cao điểm hàng năm của mặt hàng laptops & tablets (máy tính xách tay và máy tính bảng) nên kỳ vọng doanh thu sẽ tăng trở lại ở tất cả các nhãn hàng. Mảng, mobile phones (điện thoại di động) tiếp tục tăng trưởng nhờ các model mới và sự gia tăng thị phần của Xiaomi, cộng thêm doanh thu của các sản phẩm iPhone. Hơn nữa, Việt Nam đang dần tắt sóng 2G, nhu cầu chuyển đổi điện thoại từ feature phone sang smartphone ngày càng tăng, tạo ra lượng cầu mới cho mảng này. Mảng thiết bị văn phòng, doanh thu sẽ được đóng góp bởi các sản phẩm IOTs, cùng với doanh thu từ các sản phẩm thiết bị gia dụng như tivi Xiaomi, sản phẩm Whirlpool. Mảng hàng tiêu dùng được kỳ vọng doanh thu quý III tiếp tục duy trì tăng trưởng nhờ đóng góp từ các nhãn hàng tiêu dùng và được phẩm hiện tại. Trong quý II, doanh nghiệp ước đạt doanh thu 4.801 tỷ đồng, tăng 14%; lãi sau thuế 140 tỷ đồng, tăng 21% so với quý II/2021. Lũy kế 6 tháng, công ty đạt doanh thu 11.810 tỷ đồng, tăng 28% và lãi sau thuế 351 tỷ đồng, tăng 57% so với cùng kỳ năm trước. Với kết quả này, Digiworld thực hiện được 44-45% chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận năm.

RAL: báo lợi nhuận 6 tháng đầu năm tăng hơn 14%

Bóng đèn Phích nước Rạng Đông (HoSE:RAL) vừa công bố BCTC quý II với doanh thu thuần tăng 17,7% lên 1.346 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp doanh nghiệp đi ngang ở mức 26,2%. Doanh thu tài chính giảm 33,1% xuống 808,7 triệu đồng trong khi chi phí tài chính tăng 34,4% lên 17,4 tỷ đồng. Chi phí bán hàng tăng gần 27% lên 204,2 tỷ đồng, trong khi chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 32,2% xuống 18,7 tỷ đồng. Trong kỳ, đơn vị phát sinh gần 1,8 tỷ đồng khoản chi phí khác, nên khoản lợi nhuận khác âm 1,7 tỷ đồng, cùng kỳ lãi 52,6 triệu đồng. Kết quả, lợi nhuận trước thuế quý II tăng 11,1% lên gần 112 tỷ đồng. Lãi cơ bản trên cổ phiếu giảm từ 6.621 đồng cùng kỳ xuống 3.888 đồng, do trong tháng 5 tổng lượng chứng khoán niêm yết tăng từ 12,1 triệu lên hơn 22,9 triệu cổ phiếu sau khi đơn vị niêm yết bổ sung gần 10,9 triệu cổ phiếu. Đây là lượng cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu với giá 93.000 đồng/cp, được chuyển giao trong tháng 4 năm nay. Lũy kế 6 tháng đầu năm, công ty ghi nhận doanh thu tăng 16,9% lên 3.128 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế tăng 14,3% lên 274,7 tỷ đồng.

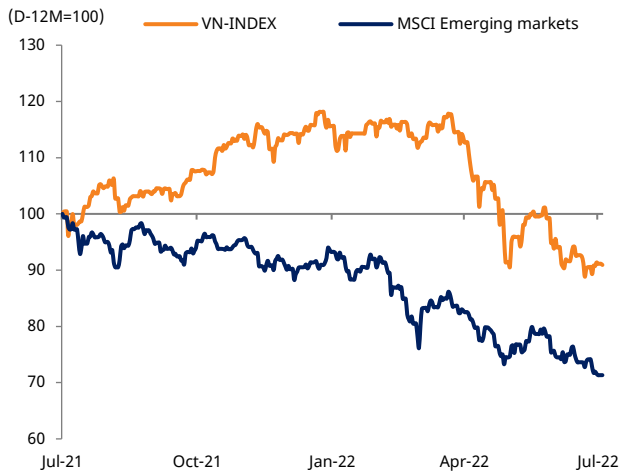
PTB: Lợi nhuận quý II ước đạt 194 tỷ đồng, tăng 54%

Công ty cổ phần Phú Tài (HoSE: PTB) thông báo doanh thu hợp nhất nửa đầu năm đạt 3.697 tỷ đồng, thực hiện 51% kế hoạch năm và tăng 22% so với cùng kỳ năm trước; lãi trước thuế 374 tỷ đồng, thực hiện 47% kế hoạch năm và tăng 31% so với cùng kỳ. Riêng với công ty mẹ, doanh thu 1.857 tỷ đồng, giảm 9%; lãi trước thuế 205 tỷ đồng, giảm 5%. Doanh nghiệp lý giải doanh thu và lợi nhuận công ty mẹ giảm trong khi hợp nhất tăng do thực hiện sáp nhập chi nhánh - nhà máy chế biến gỗ Phù Cát vào công ty con - Công ty TNHH MTV gỗ Phú Tài Bình Định kể từ ngày 1/1/2022, chuyển sang hạch toán và lợi nhuận vào báo cáo hợp nhất. Như vậy, quý II, doanh thu hợp nhất ước đạt 1.978

tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế 194 tỷ đồng; lần lượt tăng 41% và 54% so với cùng kỳ năm trước. Trong quý III, công ty đạt mục tiêu doanh thu hợp nhất 1.593 tỷ đồng, lãi trước thuế 166 tỷ đồng; lần lượt giảm 8% và 20% so với quý III/2021.

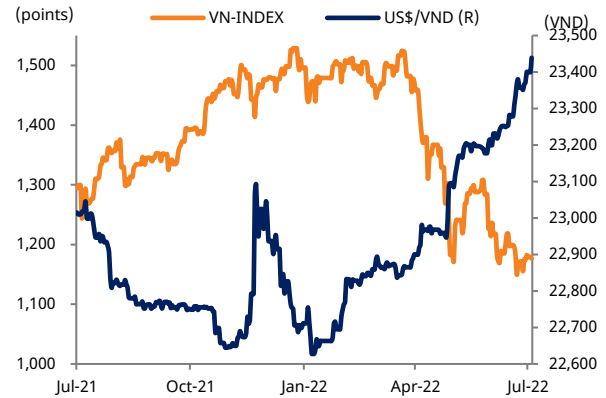
Bản tin thị trường **Chỉ báo tham khảo**

Biểu đồ 2. VN Index và MSCI Emerging Markets



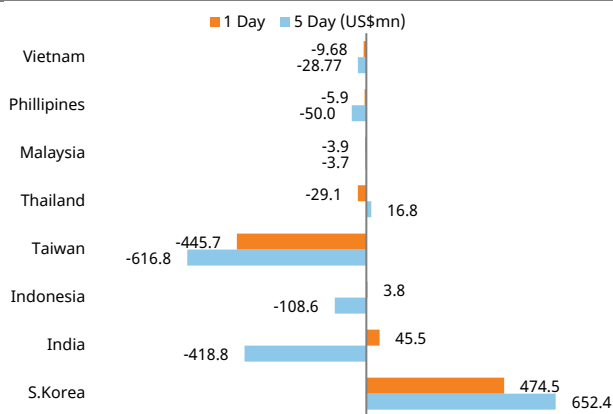
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 3. VN-Index và USD/VND



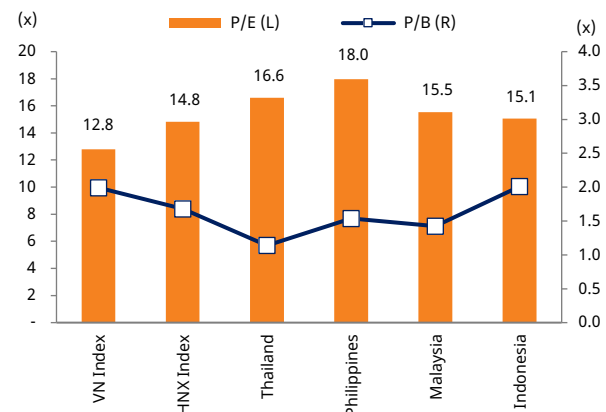
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 4. Hoạt động nhà đầu tư nước ngoài



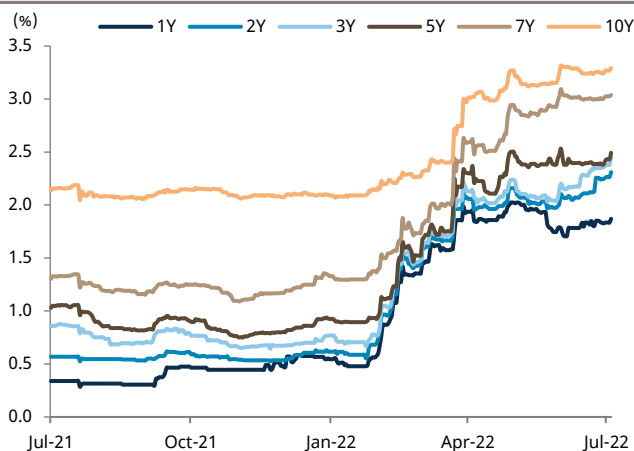
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 5. Định giá P/E và P/B các thị trường



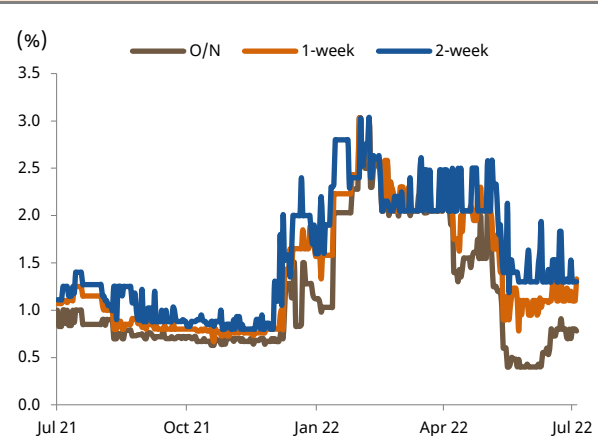
Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 6. Lợi suất trái phiếu chính phủ



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Biểu đồ 7. Lãi suất liên ngân hàng



Nguồn: Bloomberg, Bộ phận phân tích Mirae Asset

Bảng 1: Chỉ số định giá chính của VN30

Tên công ty	Mã	Giá (VND)	Vốn hóa (VND bn)	Sở hữu khối ngoại (%)	Biến động giá (%)				P/E (x)*		P/B (x)*		Tăng trưởng EPS (%)*		ROE (%)*	
					1D	1W	1M	1Y	2021	2022	2021	2022	2021	2022	2021	2022
VN30 Index	VN30 Index	1,214.28	3,243,426		-0.5	-0.2	-3.5	-15.6	11.4	10.1	2.2	1.8	38.5	12.9	19.6	21.0
Asia Commercial Bank	ACB VN	23,900	80,721	30.0	-0.4	-0.4	3.5	-11.1	8.5	6.5	1.8	1.4	24.6	31.0	23.5	24.9
BIDV	BID VN	35,500	179,578	16.9	-0.8	-1.5	12.3	5.1	20.5	13.5	2.2	1.9	50.3	52.4	11.0	16.0
Bao Viet Holdings	BVH VN	57,300	42,535	26.6	1.4	-1.2	11.3	12.4	22.4	17.9	2.0	1.8	21.8	25.3	9.2	9.0
VietinBank	CTG VN	26,900	129,275	26.5	-0.4	1.3	14.2	-22.4	9.2	6.9	1.4	1.2	18.2	32.8	15.8	18.3
FPT Corp	FPT VN	83,000	91,053	49.0	1.0	0.6	-9.8	14.7	22.9	17.1	5.0	4.4	21.5	33.6	23.4	26.8
PetroVietnam Gas JSC	GAS VN	97,500	186,610	2.9	0.0	1.2	-27.2	8.3	22.4	14.2	3.7	3.2	8.1	58.1	16.8	23.4
Vietnam Rubber Group	GVR VN	23,200	92,800	0.4	0.2	2.9	2.2	-26.0	22.3	19.0	1.9	#N/A	10.3	17.3	8.7	10.0
HDBank	HDB VN	23,500	47,287	17.1	-0.4	-0.8	-4.5	-12.2	7.7	6.6	1.6	1.3	42.5	18.1	23.3	22.9
Hoa Phat Group JSC	HPG VN	22,600	131,414	20.5	-2.6	1.3	-2.6	-37.2	4.1	4.4	1.5	1.1	151.5	-6.2	42.8	29.0
Khang Dien House Trading and Investment	KDH VN	36,200	25,602	29.1	-0.4	2.4	2.1	7.8	22.2	18.6	2.5	2.2	3.1	19.5	12.2	12.9
MBBank	MBB VN	25,400	95,969	23.2	-0.2	0.4	9.0	-12.7	7.6	6.2	1.6	1.3	53.0	22.4	23.6	23.8
Masan Group Corp	MSN VN	102,600	146,074	28.8	1.4	1.6	-12.3	2.2	16.9	23.0	4.4	3.7	589.7	-26.5	35.1	17.7
Mobile World Investment Corp	MWG VN	61,000	89,286	48.8	-0.8	-4.1	-21.5	8.9	17.7	15.0	4.3	3.8	18.2	17.7	27.3	26.0
No Va Land Investment Group Corp	NVL VN	73,600	143,508	5.9	0.0	0.0	-2.8	-7.8	40.5	27.8	4.1	3.6	-18.7	45.4	10.6	15.1
Phat Dat Real Estate Development Corp	PDR VN	53,100	35,664	2.5	0.6	1.1	5.6	-19.8	19.8	#N/A	5.1	#N/A	53.5	#N/A	29.3	#N/A
Vietnam National Petroleum Group	PLX VN	40,250	51,141	17.6	1.1	0.8	-3.9	-21.2	22.5	18.8	2.0	2.0	160.6	19.9	9.7	11.0
Phu Nhuan Jewelry JSC	PNJ VN	113,500	27,509	49.0	0.0	-1.3	-7.0	18.2	27.0	17.8	4.3	3.2	-2.6	52.0	17.0	23.5
PetroVietnam Power Corp	POW VN	13,100	30,679	2.3	0.8	0.8	-18.6	23.6	17.3	15.8	1.1	1.0	-24.2	9.8	6.2	6.4
Saigon Beer - Alcohol - Beverage Corp	SAB VN	154,200	98,886	62.7	0.1	0.4	-1.2	-2.4	28.0	22.4	4.7	4.2	-22.9	25.4	17.1	20.0
SSI Securities Corp	SSI VN	20,900	31,144	22.1	-0.9	1.0	7.9	-36.2	8.6	7.9	1.5	1.2	100.3	8.5	21.0	19.3
Sacombank	STB VN	22,550	42,512	22.0	-2.0	-2.2	11.4	-20.7	13.8	12.9	1.2	1.1	30.6	7.4	9.5	11.6
Techcombank	TCB VN	36,300	127,446	22.5	0.6	0.6	5.2	-29.7	7.1	5.9	1.4	1.1	46.1	19.1	21.7	20.8
Tien Phong Bank	TPB VN	27,250	43,103	29.9	0.6	2.3	6.9	8.5	8.4	11.8	1.7	1.3	28.5	-28.5	22.6	22.3
Vietcombank	VCB VN	72,000	340,741	23.5	-0.4	0.3	-5.4	-10.4	17.2	12.9	3.1	2.5	19.7	33.6	19.6	21.3
Vinhomes JSC	VHM VN	59,000	256,908	23.2	-1.7	-1.8	-10.6	-29.6	6.5	8.0	2.1	1.7	40.9	-18.0	36.9	22.9
Vingroup JSC	VIC VN	68,000	259,348	12.2	-2.3	-2.2	-11.2	-27.7	#N/A	74.8	2.5	2.6	-145.6	232.7	-2.8	3.5
Vietjet Aviation JSC	VJC VN	124,200	67,268	16.8	-0.4	-0.5	-0.6	7.6	893.5	44.4	4.0	#N/A	6.1	1,911.5	0.5	8.9
Vietnam Dairy Products JSC	VNM VN	71,700	149,850	54.6	0.1	-1.1	7.5	-16.5	15.9	16.6	4.5	4.4	-5.3	-4.2	29.3	28.3
VPBank	VPB VN	28,150	125,140	17.6	-0.4	1.4	0.9	-21.4	10.6	6.6	1.6	1.3	11.6	62.3	17.9	20.3
Vincom Retail JSC	VRE VN	26,050	59,194	31.9	-0.6	-0.8	-11.2	-6.0	45.1	26.6	1.9	1.8	-44.8	69.2	4.4	7.2

Nguồn: Bloomberg, Mirae Asset Research. Số liệu dự phóng (*) được tổng hợp từ nguồn Bloomberg.

Bảng 2: Biến động ngành

Nhóm ngành (Chuẩn GICS)	Vốn hóa (Tỷ VND)	Biến động giá (%)				Tăng trưởng EPS (%)*		P/E (X)*	
		1D	1W	1M	1Y	FY21	FY22	FY21	FY22
VN-Index	4,684,720	-0.2	0.2	-3.4	-9.5	35.2	17.5	17.3	11.6
Ô tô và phụ tùng	9,022	-0.1	2.0	1.5	24.4	-0.3	32.4	15.9	11.3
Ngân hàng	1,474,618	-0.3	0.2	4.9	-11.4	32.1	28.8	12.9	8.2
Xây dựng cơ bản	225,146	0.3	1.1	-1.0	32.3	19.9	31.3	19.6	9.8
Dịch vụ thương mại	5,939	-0.2	2.5	10.3	34.5	-5.1	33.5	16.5	13.2
May mặc và trang sức	50,334	0.8	0.1	-5.6	12.3	11.7	61.0	16.2	10.2
Dịch vụ tiêu dùng	7,377	0.1	0.4	1.4	6.1	1798.5	165.3	95.3	28.1
Dịch vụ tài chính	117,398	0.4	3.5	17.9	-7.8	143.8	10.5	11.8	6.6
Dầu khí	69,247	1.2	1.1	-5.8	-13.6	83.2	9.1	28.0	19.0
Thực phẩm, đồ uống	517,298	0.9	1.0	0.3	5.2	28.6	14.5	23.3	17.0
Y tế	3,152	-1.1	-1.3	0.8	82.6	65.3	13.9	28.7	20.1
Bảo hiểm	55,663	1.2	-1.0	7.1	16.5	28.2	-2.5	18.4	18.8
Nguyên vật liệu	376,818	-1.0	1.6	-4.9	6.8	118.0	-3.5	8.8	6.3
Dược phẩm	28,851	0.5	1.3	0.4	0.4	7.4	5.1	18.1	14.8
Bất động sản	1,005,875	-1.1	-0.6	-5.8	-10.1	8.0	10.2	24.4	16.5
Bán lẻ	105,564	-0.7	-3.6	-20.3	30.1	33.8	24.1	11.6	7.9
Phần mềm và dịch vụ	98,317	0.9	0.5	-8.8	19.0	22.6	23.3	18.4	16.0
Vận tải	178,836	0.0	-0.3	-0.8	11.7	-29.1	56.1	#N/A	#N/A
Tiện ích	316,813	0.0	0.6	-20.3	15.1	10.1	16.8	16.6	15.3

Nguồn: Bloomberg, (*) Mirae Asset Research dự phóng

Bảng 3: Các cổ phiếu tác động VN-Index

Top 10 tác động VN-Index: Chiều tăng điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
MSN VN	102,600	1.4	666,600	0.5
FPT VN	83,000	1.0	1,264,900	0.2
VIB VN	24,600	1.4	1,385,800	0.2
TCB VN	36,300	0.6	2,990,600	0.2
SSB VN	31,800	1.1	1,612,000	0.2
VHC VN	83,900	4.2	997,300	0.2
HAG VN	11,700	5.9	19,942,400	0.2
BVH VN	57,300	1.4	1,542,600	0.2
PLX VN	40,250	1.1	402,900	0.1
VCG VN	20,950	5.3	7,447,900	0.1

Nguồn: Bloomberg

Top 10 tác động VN-Index: Chiều giảm điểm

Mã CP	Thị giá	% Thay đổi (1D)	Khối lượng	Điểm tác động
VIC VN	68,000	-2.3	1,088,000	-1.6
VHM VN	59,000	-1.7	2,023,400	-1.1
HPG VN	22,600	-2.6	19,929,000	-0.9
BID VN	35,500	-0.8	1,698,400	-0.4
VCB VN	72,000	-0.4	391,400	-0.4
DIG VN	39,650	-5.5	16,873,900	-0.3
DGC VN	93,000	-2.9	1,785,800	-0.3
STB VN	22,550	-2.0	14,305,700	-0.2
MWG VN	61,000	-0.8	2,540,800	-0.2
SHB VN	14,400	-1.7	15,924,100	-0.2

KHUYẾN CÁO

Báo cáo này được công bố bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (MAS), công ty chứng khoán được phép thực hiện môi giới chứng khoán tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam. Thông tin và ý kiến trong báo cáo này đã được tổng hợp một cách thiện chí và từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng những thông tin đó chưa được xác minh một cách độc lập và MAS không cam đoan, đại diện hoặc bảo đảm, rõ ràng hay ngụ ý, về tính công bằng, chính xác, đầy đủ hoặc tính đúng đắn của thông tin và ý kiến trong báo cáo này hoặc của bất kỳ bản dịch nào từ tiếng Anh sang tiếng Việt. Trong trường hợp bản dịch tiếng Anh của báo cáo được chuẩn bị bằng tiếng Việt, bản gốc của báo cáo bằng tiếng Việt có thể đã được cung cấp cho nhà đầu tư trước khi thực hiện báo cáo này. Đối tượng dự kiến của báo cáo này là các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp, có kiến thức cơ bản về môi trường kinh doanh địa phương, các thông lệ chung, luật và nguyên tắc kế toán và không có đối tượng nào nhận hoặc sử dụng báo cáo này vi phạm bất kỳ luật và quy định nào hoặc quy định của MAS và các bên liên kết, chi nhánh đối với các yêu cầu đăng ký hoặc cấp phép ở bất kỳ khu vực tài phán nào sẽ nhận được hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào từ đây. Báo cáo này chỉ dành cho mục đích thông tin chung, không phải và sẽ không được hiểu là một lời đề nghị hoặc một lời mời chào để thực hiện bất cứ giao dịch chứng khoán hoặc công cụ tài chính nào khác. Báo cáo này không phải là lời khuyên đầu tư cho bất kỳ đối tượng nào và đối tượng đó sẽ không được coi là khách hàng của MAS khi nhận được báo cáo này. Báo cáo này không tính đến các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc nhu cầu cụ thể của các khách hàng cá nhân. Không được dựa vào báo cáo này để thực hiện quyết định độc lập. Thông tin và ý kiến có trong báo cáo này có giá trị kể từ ngày công bố và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Giá và giá trị của các khoản đầu tư được đề cập trong báo cáo này và thu nhập từ các khoản đầu tư đó có thể giảm giá hoặc tăng giá, và các nhà đầu tư có thể phải chịu thua lỗ cho các khoản đầu tư. Hiệu suất trong quá khứ không phải là hướng dẫn cho hiệu suất trong tương lai. Lợi nhuận trong tương lai không được đảm bảo và có thể xảy ra mất vốn ban đầu. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ nhân viên và đại diện của họ không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này. MAS có thể đã đưa ra các báo cáo khác không nhất quán và đưa ra kết luận khác với các ý kiến được trình bày trong báo cáo này. Các báo cáo có thể phản ánh các giả định, quan điểm và phương pháp phân tích khác nhau của các nhà phân tích. MAS có thể đưa ra các quyết định đầu tư không phù hợp với các ý kiến và quan điểm được trình bày trong báo cáo nghiên cứu này. MAS, các chi nhánh và giám đốc, cán bộ, nhân viên và đại diện có thể mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán vào bất kỳ lúc nào và có thể thực hiện mua hoặc bán, hoặc đề nghị mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào như vậy hoặc các công cụ tài chính khác tùy từng thời điểm trên thị trường hoặc theo cách khác, trong từng trường hợp, với tư cách là bên tự doanh hoặc môi giới. MAS và các chi nhánh có thể đã có, hoặc có thể tham gia vào các mối quan hệ kinh doanh với các công ty để cung cấp các dịch vụ ngân hàng đầu tư, tạo lập thị trường hoặc các dịch vụ tài chính khác được cho phép theo luật và quy định hiện hành. Không một phần nào của báo cáo này có thể được sao chép hoặc soạn thảo lại theo bất kỳ cách thức hoặc hình thức nào hoặc được phân phối lại hoặc xuất bản, toàn bộ hoặc một phần, mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MAS.